

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**HOÀNG VŨ CHÍNH**

**SẢN XUẤT CHÈ THEO TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH  
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (VietGAP) TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**NGÀNH: KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**HOÀNG VŨ CHÍNH**

**SẢN XUẤT CHÈ THEO TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH  
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TỐT (VietGAP) TRÊN ĐỊA BÀN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Ngành: Kinh tế Nông nghiệp**  
**Mã số: 8.62.01.15**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẢO**

**THÁI NGUYÊN - 2018**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn thạc sĩ “*Sản xuất chè theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*” là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi, không sao chép bất kỳ một công trình nghiên cứu nào của các tác giả khác. Các số liệu, kết quả nêu trong đề tài này là trung thực, các tài liệu tham khảo có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

**Tác giả luận văn**

**Hoàng Vũ Chính**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, động viên khích lệ của nhiều tổ chức, cá nhân, bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, Phòng Đào tạo đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học và làm luận văn. Đặc biệt tôi xin trân trọng cảm ơn sâu sắc đối với TS. Nguyễn Thị Phương Hảo - Người hướng dẫn khoa học đã tận tình giúp đỡ tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế, thành phố, thị xã, UBND, các cán bộ chuyên môn và các hộ dân tại các xã có thực hiện điều tra, khảo sát đã tạo điều kiện cho tôi tiến hành nghiên cứu đề tài.

Qua đây, tôi cũng xin cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khích lệ, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Tác giả luận văn**

**Hoàng Vũ Chính**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của luận văn .....	5
6. Bố cục luận văn .....	5
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ SẢN XUẤT CHÈ THEO</b>	
<b>TIÊU CHUẨN VIETGAP</b> .....	6
1.1. Cơ sở lý luận về sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP.....	6
1.1.1. Lý luận về thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn Việt Nam (VietGAP) .....	6
1.1.2. Cơ sở pháp lý để sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP .....	18
1.1.3. Quy mô, kết quả và hiệu quả sản xuất chè theo VietGAP.....	20
1.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP .....	23
1.2. Cơ sở thực tiễn về sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP .....	28
1.2.1. Tình hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn GAP ở trên thế giới và tại Việt Nam.....	28
1.2.2. Bài học kinh nghiệm sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP cho tỉnh Thái Nguyên .....	34

<b>Chương 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....	36
2.1. Câu hỏi nghiên cứu và Phương pháp tiếp cận.....	36
2.1.1. Câu hỏi nghiên cứu.....	36
2.1.2. Phương pháp tiếp cận.....	36
2.2. Phương pháp nghiên cứu.....	37
2.2.1. Chọn điểm nghiên cứu.....	37
2.2.2. Xác định quy mô mẫu.....	38
2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin.....	38
2.2.4. Phương pháp tổng hợp thông tin.....	39
2.2.5. Phương pháp phân tích thông tin.....	39
2.2.6. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu.....	40
<b>Chương 3. THỰC TRẠNG SẢN XUẤT CHÈ THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN</b> .....	44
3.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên.....	44
3.1.1. Đặc điểm tự nhiên.....	44
3.1.2. Đặc điểm kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên.....	47
3.1.3. Các chính sách về sản xuất chè theo VietGAP đang được triển khai tại Thái Nguyên.....	48
3.2. Thực trạng phát triển sản xuất chè theo VietGAP tại các hộ điều tra.....	50
3.2.1. Quy trình sản xuất chè của hộ điều tra.....	50
3.2.2. Kết quả sản xuất chè của hộ điều tra.....	54
3.2.3. Hiệu quả sản xuất chè của hộ điều tra.....	60
3.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất chè theo VietGAP.....	63
3.2.5. Đánh giá chung về sản xuất chè tỉnh Thái Nguyên theo tiêu chuẩn VietGAP.....	70
<b>Chương 4. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHÈ THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN</b> ....	79
4.1. Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển chè an toàn của tỉnh Thái Nguyên.....	79
4.1.1. Định hướng.....	79
4.1.2. Mục tiêu.....	79
4.1.3. Nhiệm vụ.....	80

4.2. Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	81
4.2.1. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn.....	81
4.2.2. Giải pháp về phát triển vùng sản xuất gắn với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển công nghiệp chế biến .....	82
4.2.3. Giải pháp về đổi mới hình thức sản xuất, hình thành chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.....	84
4.2.4. Giải pháp về xúc tiến thương mại, thị trường và xây dựng thương hiệu.....	85
4.2.5. Giải pháp về chính sách hỗ trợ và tăng cường hiệu lực hiệu quả công tác quản lý nhà nước .....	88
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>90</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>94</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>96</b>

**DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Từ viết tắt</b>	<b>Dạng đầy đủ</b>
1	BQ	: Bình quân
2	BVTV	: Bảo vệ thực vật
3	CD	: Chuyển đổi
4	CP	: Cổ phần
6	ĐVDT	: Đơn vị diện tích
5	ĐVT	: Đơn vị tính
7	HTX	: Hợp tác xã
8	QSEAP	: Dự án nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học của Bộ NN&PTNT
9	SX TTC VietGAP	: Sản xuất theo tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam
10	UBND	: Ủy ban nhân dân
11	VietGAP	: Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt tại Việt Nam
12	VSATTP	: Vệ sinh an toàn thực phẩm



**DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1.1:	Hướng dẫn bón phân cho nường chè sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP với sản lượng trung bình 10-15 tấn/ha .....	13
Bảng 3.1:	So sánh các giá trị bình quân về diện tích, năng suất, sản lượng giữa hai nhóm hộ: sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP và sản xuất chè không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	54
Bảng 3.2:	So sánh kết quả sản xuất giữa hai nhóm hộ: Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và SX không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	59
Bảng 3.3:	So sánh hiệu quả kinh tế giữa hai nhóm hộ: Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và sản xuất không theo tiêu chuẩn VietGAP .....	61

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Nước ta hiện nay có khoảng 124.000 ha chè, là nước sản xuất chè lớn thứ 7 và xuất khẩu chè lớn thứ 5 trên thế giới. Các sản phẩm chè của Việt Nam đã được xuất khẩu đi hơn 100 nước trên thế giới, với nhiều chủng loại chè phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, đáng chú ý là tới nay Việt Nam vẫn chưa được thế giới ghi nhận là nước sản xuất và xuất khẩu chè hàng đầu. Giới chuyên gia cho rằng nguyên nhân là do đa phần chè xuất khẩu Việt Nam vẫn chủ yếu xuất sang thị trường dễ tính, chưa nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường yêu cầu chất lượng cao như EU, Mỹ...; các nhà sản xuất và xuất khẩu chè Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức về chi phí sản xuất, công nghệ chế biến, tiêu chuẩn chất lượng, quảng bá, xây dựng thương hiệu; trong khi đó, cách thức trồng, chế biến chè hiện có một số khâu không tuân thủ tiêu chuẩn về nguyên liệu, máy móc, vệ sinh an toàn thực phẩm nên rất khó đảm bảo chất lượng.

Những tồn tại, hạn chế của ngành chè trong nhiều năm nay ảnh hưởng tới tình hình sản xuất và tiêu thụ chè của nước ta. Người trồng chè vì lợi nhuận trước mắt, phát triển về diện tích và sản lượng mà ít quan tâm đến chất lượng; vẫn có thói quen sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật và phân vô cơ, điều đó dẫn tới việc sẽ để lại dư lượng lớn các chất hóa học, vi sinh vật và kim loại nặng trong đất, nước, gây nên mất an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe của người sản xuất, tiêu dùng chè.

Thái Nguyên là một trong những vùng chè trọng điểm của cả nước, được thiên nhiên ưu đãi với các điều kiện về đất đai và khí hậu thích hợp cho phát triển cây chè, hiện diện tích chè toàn tỉnh là 21.585 ha, trong đó có 19.647 ha chè kinh doanh (*Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên 2017*) [4]. Là cây trồng thế mạnh của địa phương, sản xuất chè góp phần phát triển nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững; nghề trồng và chế biến chè đã đem lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân trong tỉnh.